

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2017/HSST
Ngày: 22-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng T

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang X;
2. Ông Đào Văn N.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim L – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân U, tỉnh B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Đặng Kim T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 116/2017/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2017 đối với:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Loan T, giới tính: Nữ; sinh năm 1972, tại Bình Dương; nơi ĐKKHKT: Tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B; chỗ ở: Tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; bị cáo không có chồng, có 01 người con sinh năm 2007; tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- **Người bị hại:** Bà Nguyễn Lê H, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B. Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

+ Bà Võ Thị Ô, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Loan T và bà Nguyễn Lệ H là chị em ruột với nhau, là con của bà Nguyễn Thị L. Bà H và bà L cùng sống chung nhà tại tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B.

Khoảng 07 giờ ngày 02-11-2016, T điều khiển xe mô tô biển số 61E1 – 238.41 chở con tên Nguyễn Khánh Q (sinh năm 2007) đến nhà của bà Nguyễn Thị L để chơi. Khi T đến thì bà L cùng bà Nguyễn Lệ H đã đi bán hàng ở chợ U thuộc phường U. Lúc này, T để bé Q chơi với các cháu của T ở bên ngoài, còn T thấy phòng ngủ của bà H không khóa cửa nên đi vào bên trong và nhìn thấy tủ gỗ trong phòng khóa chốt ngang nhưng chốt khóa không khớp với ổ khóa, T dùng tay mở thử thì cánh cửa tủ mở ra. T nhìn thấy tại ngăn thứ hai của tủ có 01 túi xách màu trắng - đen. T liền dùng tay mở túi xách kiểm tra thì nhìn thấy bên trong túi xách có 01 xấp tiền gồm những mệnh giá 200.000 đồng đến 500.000 đồng và 01 cái bóp màu xanh đậm bên trong có 01 xấp tiền khác cũng có các mệnh giá 200.000 đồng đến 500.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền này để trả nợ. Thực hiện ý định trên, T quan sát xung quanh thấy trong nhà không ai để ý nên T lấy 02 xấp tiền bỏ vào túi áo khoác bên phải T đang mặc, còn túi xách và bóp T cầm ra bỏ vào sọt rác ở trước nhà bà L. Sau khi lấy được tiền, T để cháu Q ở lại nhà bà L chơi còn T điều khiển xe mô tô 61E1 – 238.41 đến nhà bà Võ Thị Ô trả cho bà Ô số tiền 40.000.000 đồng trong số tiền mà T chiếm đoạt được của bà H. Trình tiếp tục điều khiển xe mô tô 61E1 – 238.41 đi đến chợ U và lấy số tiền 3.000.000 đồng trong số tiền chiếm đoạt được của bà Hằng trả cho bà Nguyễn Thị L. Số tiền còn lại T cất giấu ở túi quần đang mặc và đi đến sạp hàng của Trinh tại chợ U buôn bán như thường ngày.

Khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, bà H đi chợ về nhà thì phát hiện số tiền 52.500.000 đồng để tủ gỗ trong phòng bị mất và nghi T là người đã chiếm đoạt nên đến Công an phường U trình báo. Công an phường U mời T đến trụ sở làm việc, qua làm việc T khai nhận đã chiếm đoạt tiền của bà H (BL 42, 68 – 71, 73 - 74). Công an phường U tiến hành thu giữ vật chứng gồm (BL: 14, 15, 16, 23):

- Số tiền 3.000.000 đồng (do bà Nguyễn Thị L giao nộp).
- Số tiền 9.000.000 đồng (do Nguyễn Thị Loan T giao nộp).
- Số tiền 40.000.000 đồng (do bà Võ Thị Ô giao nộp).
- 01 bóp màu xanh đậm, hiệu Bitis, dài 20cm, rộng 11 cm; 01 túi xách màu trắng đen, dài 32 cm, rộng 20cm (do bà Nguyễn Lệ H giao nộp).

Công an phường U hoàn tất hồ sơ và chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra T khai: Khi chiếm đoạt tiền của bà H, T không kiểm tra và đếm số tiền là bao nhiêu, nhưng khi bà H trình báo bị mất số tiền 52.500.000

đồng thì T kiểm lại số tiền mà đã dùng để trả nợ và cất giấu trong người thì xác định T đã chiếm đoạt của bà H 52.500.000 đồng, do quá trình buôn bán Trinh có sử dụng số tiền chiếm đoạt của bà H để mua hàng nên thiếu 500.000 đồng. Do đó, T chỉ giao nộp cho Cơ quan Công an số tiền 9.000.000 đồng chiếm đoạt của bà H (BL83 - 84).

Ngày 07-8-2017, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định xử lý vật chứng số 112, trả lại số tiền 52.000.000 đồng cho bà H. Ngày 18-8-2017, T tiếp tục trả cho bà H số tiền 500.000 đồng đã chiếm đoạt của bà H, bà H không có yêu cầu gì khác (BL85 - 86). Bà H có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt đối với T.

Đối với xe mô tô 61E1 – 238.41 do bà Nguyễn Bích K (là chị ruột của T) đứng tên trong giấy đăng ký xe (BL15a). Ngày 02-11-2016, bà K cho T mượn để làm phương tiện đi lại, bà K không biết T sử dụng phương tiện này đi chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ xe mô tô này (BL80 - 81).

Tại Cáo trạng số: 117/QĐ/KSĐT ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo Nguyễn Thị Loan T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Loan T mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng được hưởng án treo thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho người bị hại và người bị hại không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự nên không đề nghị giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bốp màu xanh đậm hiệu Biti's, dài khoảng 20cm, rộng khoảng 11cm và 01 túi xanh màu trắng đen, dài khoảng 32cm, rộng khoảng 20cm, trên nút đóng túi xách có ghi dòng chữ và số có các số cuối là: 1013181.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo không nói lời sau cùng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Loan T là đúng thẩm quyền.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã T, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tình tiết định tội, định khung hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Loan T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Ngày 02 tháng 11 năm 2016 tại tổ 3, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh B bị cáo Nguyễn Thị Loan T đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Lệ H đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 52.500.000 đồng của bà H.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt số tiền 52.500.000 đồng là đã phạm tình tiết định khung tăng nặng hình phạt quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng”. Cáo trạng đã truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên cũng như kết luận của đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phạm vào các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo phạm tội lần đầu. Bị cáo là lao động chính trong gia đình được Ủy ban nhân dân phường U xác nhận; bị cáo đang nuôi 01 người con sinh năm 2007.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trái phép đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự, nơi xảy ra vụ án.

Đôi chiếu các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, xét thấy mức án đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú giám sát trong thời gian nhất định cũng không nguy hiểm cho xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 61E1-238.41 do bà Nguyễn Thị K đứng tưng tên trong giấy đăng ký xe. Bà Kiều cho bị cáo mượn. Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản bà Kiều không biết. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không thu giữ xe mô tô đúng theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là số tiền 52.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại cho bà H là đúng theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

01 bóp màu xanh đậm hiệu Biti's, dài khoảng 20cm, rộng khoảng 11cm và 01 túi xanh màu trắng đen, dài khoảng 32cm, rộng khoảng 20cm, trên nút đóng túi xách có ghi dòng chữ và số có các số cuối là: 1013181 là tài sản của bà Hằng. Tuy nhiên, bà Hằng không yêu cầu nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 41 Bộ luật Hình sự và Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Loan T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Áp dụng Điểm e Khoản 2, Điều 138; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Loan T 02 (hai) năm tù nhưng được hưởng án treo. Thời hạn thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Loan T cho Ủy ban nhân dân phường U, thị xã T, tỉnh B để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn

Thị Loan T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường U trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

(Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự và Khoản 1, Điểm đ Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 bóp màu xanh đậm hiệu Biti's, dài khoảng 20cm, rộng khoảng 11cm và 01 túi xanh màu trắng đen, dài khoảng 32cm, rộng khoảng 20cm, trên nút đóng túi xách có ghi dòng chữ và số có các số cuối là: 1013181.

(Thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 28-8-2017, giữa Công an thị xã T và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Loan T nộp 200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T.

Bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh B;
- Sở Tư pháp tỉnh B ;
- VKSND thị xã T;
- Công an thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm